

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN N
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 36/2022/HNGĐ - ST

Ngày: 23-6-2022

V/v: “Tranh chấp ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N, TỈNH ĐỒNG NAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Lâm

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Trần Thanh Phương

Bà Lê Thị Kim Xuyên

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu – Là Thư ký Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Bà Đặng Văn Hoàng Yên– Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Đồng Nai mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 124/2022/TLST-HNGĐ ngày 10/3/2022 về việc “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 322/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 5 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 454/2022/QĐST-HNGĐ ngày 09/6/2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Lê Thanh T, sinh năm 1987

Địa chỉ: Số nhà 108, tổ 13, ấp 5, xã L, huyện L, tỉnh Đồng Nai

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Hoàng M, sinh năm 1983

Địa chỉ: Số nhà 54, tổ 1, ấp P, xã P, huyện N, tỉnh Đồng Nai.

(Chị T và anh M vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 04/3/2022 và các lời khai tại hồ sơ, nguyên đơn chị Lê Thanh T trình bày: Chị và anh Nguyễn Hoàng M xây dựng gia đình với nhau năm 2012, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã Phú Hội, huyện N, tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 07 tháng 11 năm 2012. Nay chị khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh M. Nguyên nhân chị T yêu cầu ly hôn là do vợ chồng chung sống không

hạnh phúc, vợ chồng không tin tưởng, yêu thương nhau, anh Tâm không chăm lo cho gia đình.

Về con chung: Chị và anh M không có con chung.

Về tài sản chung: Chị T khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Chị T khai không có.

Bị đơn anh Nguyễn Hoàng M không đến Tòa án cung cấp chứng cứ và tham gia tố tụng giải quyết vụ án.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa là đúng quy định của pháp luật. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Bị đơn không thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị T, xử cho chị T được ly hôn với anh M. Về con chung: Không có nên không xét. Về tài sản chung và nợ chung: Không xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn chị Lê Thanh T vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Bị đơn anh Nguyễn Hoàng M đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do. Do đó, Hội đồng xét xử áp dụng Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt chị T và anh M.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Hoàng M và chị Lê Thanh T xây dựng gia đình với nhau năm 2012, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã Phú Hội, huyện N, tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận kết hôn số 86 ngày 07/11/2012, việc kết hôn do cả hai đều tự nguyện nên được xem là hôn nhân hợp pháp. Chị T xin ly hôn với anh M với lý do vợ chồng chung sống không hạnh phúc, vợ chồng không tin tưởng, quan tâm chăm sóc nhau.

Xét thấy, qua kết quả xác minh tại Ủy ban nhân dân xã Phú Hội thì địa phương không xác định được nguyên nhân tranh chấp ly hôn giữa chị T và anh M. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã thông báo cho anh M biết để đến Tòa tham gia tố tụng, cung cấp chứng cứ và hòa giải để vợ chồng anh đoàn tụ nhưng anh M vẫn không đến Tòa mà không có lý do nên Tòa án không thể hòa giải cho vợ chồng anh M và chị T đoàn tụ. Qua ý kiến của chị T thể hiện chị T và anh M chung sống không hạnh phúc, vợ chồng không quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau là đã vi phạm nghiêm trọng quyền và nghĩa vụ vợ chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị T, xử cho chị T được ly hôn với anh M là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về con chung: Chị T và anh M không có con chung nên Hội đồng xét xử không xét.

[4] Về tài sản chung: Chị T khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về nợ chung: Chị T khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Chị Lê Thanh T phải chịu 300.000đ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

[7] Ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân huyện N về việc đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là phù hợp với nhận định nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 56 và Điều 131 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 9 và Điều 11 Luật hôn nhân gia đình năm 2000.

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc “Tranh chấp ly hôn” của chị Lê Thanh T đối với anh Nguyễn Hoàng M.

Xử cho chị Lê Thanh T được ly hôn với anh Nguyễn Hoàng M.

Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét.

2. Về án phí: Chị Lê Thanh T phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0007453 ngày 07 tháng 3 năm 2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện N. Chị T đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

3. Các đương sự được quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận:

- VKSND huyện N;
- Chi cục THADS huyện N;
- UBND xã P, huyện N, tỉnh Đồng Nai;
- Các đương sự;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Lâm